TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TRÀ VINH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 08/2025/QĐST-HNGĐ	*TP. Trà Vinh, ngày 14 tháng 01 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 02/2025/TLST-HNGĐ, ngày 06/01/2025 về việc *"Xin ly hôn"*, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu A1, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp Ô, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Ông Kiên Ngọc M1, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 51, khóm 8, phường E, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 51, Điều 54, Điều 55 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 01 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 01 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị Thu A1 và ông Kiên Ngọc M1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu A1 và ông Kiên Ngọc M1 thuận tình ly hôn với nhau.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu A1 và ông Kiên Ngọc M1 có với nhau hai người con chung là Kiên Thị Thu Oanh, sinh ngày 02/3/2003 và Kiên Thành

Bảo, sinh ngày 29/10/2005. Hai con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu A1 và ông Kiên Ngọc M1 không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu A1 và ông Kiên Ngọc M1 khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Bà Nguyễn Thị Thu A1 phải nộp 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng).* Ông Kiên Ngọc M1 phải nộp 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng).* Bà Nguyễn Thị Thu A1 tự nguyện nộp thay cho ông Kiên Ngọc M1 án phí hôn nhân sơ thẩm. Do đó, bà Nguyễn Thị Thu A1 phải chịu toàn bộ số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* nhưng được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí bà A1 đã nộp theo biên lai thu số 0001270 ngày 06/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh. Bà Nguyễn Thị Thu A1 được nhận lại số tiền 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP. Trà Vinh;
- Chi cục THADS TP. Trà Vinh;
- UBND phường 6, thị xã Trà Vinh nay là TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (Số: 35, ngày 11/4/2007);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn M1 Thơ